

Số: /GXN-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nâng cấp bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc từ 200 giường bệnh
lên 290 giường bệnh, tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ XÁC NHẬN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên chủ dự án: Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc

Địa điểm hoạt động: Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại: 02.373.831.068

Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 10/03/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 06/03/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Nâng cấp bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc từ 200 giường bệnh lên 290 giường bệnh, tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án Nâng cấp bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc từ 200 giường bệnh lên 290 giường bệnh, tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số /GXN-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải

1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa trên mái được thu gom bằng hệ thống ống nhựa xuống hệ thống rãnh thoát nước mưa xung quanh các khu nhà, sân đường. Tổng chiều dài hệ thống rãnh thoát nước mưa là $L = 994\text{m}$, kích thước: rộng $0,4\text{m}$ x sâu $0,5\text{m}$, nắp đậy bằng tấm đan bê tông. Trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn, số lượng 22 hố ga, kích thước: $1,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$.

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của bệnh viện như sau: Nước mưa chảy tràn → Mương thu + hố ga → Sông Trà Giang

1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Nước thải từ quá trình tắm rửa, vệ sinh phòng bệnh được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D60-90 về các hố ga bố trí tại các khu nhà, sau đó theo đường ống nhựa PVC D150, D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải từ khu vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 về bể tự hoại để xử lý sơ bộ (số lượng hiện có là 10 bể với tổng thể tích $V = 145 \text{ m}^3$), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện bằng đường ống nhựa PVC D200.

- Nước thải nhà ăn (Khoa dinh dưỡng) được thu gom về hố ga để tách dầu mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải y tế được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D150, sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường PVC D200.

- Nước thải từ quá trình rửa thiết bị thu gom, phương tiện vận chuyển rác thải: được thu gom bằng đường ống D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Chiều dài đường ống nhựa PVC D150, D200 thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung: $L = 473 \text{ m}$.

1.3. Hệ thống xử lý nước thải

Đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung công nghệ xử lý hợp khối của Nhật Bản, cụ thể:

- Công suất thiết kế là: $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Công nghệ xử lý: AAO.

- Quy trình công nghệ: Nước thải y tế → Ngăn tách rác → Bể điều hòa → Ngăn yếm khí → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn tách nước tuần hoàn → Ngăn lọc sinh học → Ngăn khử trùng → Sông Trà Giang.

Nước thải của bệnh viện sau khi xử lý qua hệ thống XLNT tập trung sẽ thải ra mương thoát nước chung khu vực phía Bắc dự án bằng đường ống nhựa PVC D200, dài 18m , sau đấy dẫn ra sông Trà Giang.

- Chế độ vận hành: Liên tục.
- Quy chuẩn áp dụng QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, k=1,2)– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Các phòng khám, điều trị, chuẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí đồng bộ và được thiết kế đảm bảo số lần trao đổi không khí tự nhiên và nhân tạo theo các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.
- Đối với khoa có labo xét nghiệm, kho hóa chất, dược phẩm được lắp đặt thêm hệ thống thông khí cục bộ và xử lý khí độc như chụp hút, tủ hút,...tại các phòng có phát sinh ra mùi do hóa chất, dược phẩm với tổng số lượng 05 chụp hút.
- Thường xuyên vệ sinh bệnh viện, phun các chất sát khuẩn tại các nhà vệ sinh, thay thế những nắp cống hỏng, định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.
- Các thùng thu gom rác thải bố trí bên trong khu nhà vệ sinh, hành lang của từng tầng đều có nắp đậy để tránh phát sinh mùi. Rác thải hằng ngày được thu gom về nơi quy định và đưa đi xử lý trong ngày.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân phân loại ngay tại nguồn. Bệnh viện đã thực hiện quy trình phân loại và thu gom chất thải rắn ngay tại nguồn theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Đối với chất thải rắn sinh hoạt được đựng trong thùng, túi nilon màu xanh. Đối với chất thải y tế thông thường được đựng trong thùng, túi nilon màu trắng.

- Nhà lưu giữ chất thải: Có diện tích 33 m², có mái che, tường bao quanh và được chia làm 03 khu: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt; Khu vực tập kết chất thải rắn tái chế và khu vực tập kết rác thải y tế nguy hại.

- Hợp đồng với hợp tác xã Nông nghiệp thị trấn Hậu Lộc thu gom chất thải rắn sinh hoạt đưa đi xử lý. Hợp đồng với công ty TNHH Xuân Lâm thu gom chất thải y tế thông thường đưa đi xử lý.

4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Nhà lưu giữ chất thải: Có diện tích 33 m², có mái che, tường bao quanh và được chia làm 03 khu, trong đó khu vực tập kết rác thải y tế nguy hại có diện tích 10 m².

- Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn (kim tiêm, lưỡi dao mổ, đinh...): Được thu gom riêng vào các hộp nhựa màu vàng. Tại khu vực xử lý chất thải của bệnh viện đã bố trí 03 bể bê tông có dung tích 2,0 m³/bể để lưu giữ chất thải nguy hại sắc nhọn và chai lọ thủy tinh chứa chất gây độc tế bào để chờ đưa đi xử lý.

- Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn được thu gom và xử lý bằng hệ thống thiết bị khử khuẩn bằng vi sóng tích hợp nghiền cắt trong cùng khoang xử lý (Steril Wave 250/250MC) công suất 25 - 30 kg/mê.

- Chất thải nguy hại khác không lây nhiễm được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý cùng với chất thải y tế sắc nhọn.

5. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Bệnh viện đã lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống chống sét, hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy, bể dự trữ nước chữa cháy 50 m³; trang bị máy phát điện dự phòng công suất 110 KVA; ban hành quy định về phòng ngừa và ứng phó sự cố khi hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động. - Thường xuyên tưới nước đường nội bộ;

- Ban hành nội quy, quy định về giảm thiểu tiếng ồn trong khu vực bệnh viện.

- Phòng chiếu chụp X-quang được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 365:2007 - Tiêu chuẩn thiết kế bệnh viện đa khoa; Các thiết bị chụp X-quang của bệnh viện đều có xuất xứ rõ ràng; Nhân viên vận hành máy được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

6. Chương trình quan trắc môi trường

6.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn

- Vị trí giám sát:

+ K1: Mẫu khí tại khu vực xử lý nước thải bệnh viện

+ K2: Mẫu khí tại khu vực xử lý rác thải y tế

+ K3: Khu vực khám bệnh

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, độ ồn, bụi lơ lửng, NO₂, SO₂, CO, NH₃, H₂S.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn đối với khu vực đặc biệt.

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

6.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, S₂⁻, Dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: + QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, k = 1,2).

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự thay đổi liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định./.